

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU
KHÍ VIỆT NAM

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:

TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 18 Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Website: www.pvn.vn

Điện thoại: (024) 38252526

Fax: (024) 38254050

TỔ CHỨC CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Website: www.pvts.com.vn

Điện thoại: (024) 35148699

Fax: (024) 35148599

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
(VIETINBANK SECURITIES)

Địa chỉ: Tầng 1 đến tầng 4, tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội

Website: www.vbse.vn

Điện thoại: (024) 3974 1771

Fax: (024) 3974 1760

CN TP.HCM: Tầng 1, Tầng 3 và Tầng 5 Tòa nhà văn phòng – Cao ốc Central Garden – số 328 đường Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (024) 3974 1771

Fax: (024) 3820 0899

CN Đà Nẵng: Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Điện thoại: (024) 3974 1771

Fax: (024) 6358 4788

Hà Nội, năm 2025

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam



MỤC LỤC

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	7
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.....	7
2. Tổ chức có vốn của Doanh nghiệp Nhà nước chuyển nhượng.....	7
3. Tổ chức tư vấn.....	7
II. CÁC KHÁI NIỆM.....	8
III. GIỚI THIỆU TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.9	9
1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..	9
1.1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	9
1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	9
2. Mọi quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng	10
3. Số cổ phần sở hữu	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẤM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ CHUYỂN NHƯỢNG.....	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	10
1.1. Thông tin chung	10
1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	15
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	15
3. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông của Công ty.....	17
3.1. Vốn điều lệ	17
3.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/9/2025	17
3.3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/9/2025.....	18
4. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết mà Công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:.....	18
5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	18
6. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	19
6.1. Tình hình tài chính của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025	20
6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	27

7.	Tình hình sử dụng đất đai của Công ty	28
8.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025	31
9.	Một số hợp đồng lớn mà Công ty đã và đang thực hiện.....	31
10.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	33
11.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn	33
12.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023, 2024 của Công ty	34
13.	Những điều khoản loại trừ và hạn chế của kết quả thẩm định giá	36

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1.	Loại cổ phần	41
2.	Mệnh giá	41
3.	Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng	41
4.	Giá khởi điểm chào bán cạnh tranh	41
5.	Phương pháp/ cơ sở tính giá khởi điểm	41
6.	Phương thức chuyển nhượng vốn.....	42
7.	Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh	42
8.	Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn	42
9.	Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến	42
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	43
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn	43
12.	Các loại thuế có liên quan	43
13.	Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn (như hồ sơ chào bán cạnh tranh, phương tiện, địa điểm công bố thông tin, chuyển nhượng vốn tại các ngân hàng thương mại cổ phần và các thông tin khác chưa có trong quy chế chào bán cạnh tranh và bản công bố thông tin này)	43

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1.	Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.....	44
2.	Tổ chức có vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.....	45

3. Tổ chức tư vấn..... 45
4. Tổ chức thẩm định giá và tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính 45
5. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh 45

VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG..... 46

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG, TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN 47

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/9/2025.....	17
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên của Công ty tại ngày 30/9/2025	18
Bảng 3: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2023 – 9 tháng đầu năm 2025	19
Bảng 4: Tình hình tài chính của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025	20
Bảng 5: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025	21
Bảng 6: Chứng khoán kinh doanh của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025	23
Bảng 7: Phải thu ngắn hạn của khách hàng giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025	23
Bảng 8: Tài sản cố định của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025	25
Bảng 9: Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025	25
Bảng 10: Chỉ tiêu tài chính	27
Bảng 11: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty tại ngày 30/9/2025	28
Bảng 12: Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo của Công ty.....	31
Bảng 13: Một số hợp đồng lớn của Công ty đã và đang thực hiện.....	31

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Ông Dương Mạnh Sơn Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

(Được ủy quyền theo Quyết định số 4728/QĐ-DKVN ngày 05/7/2024 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này

2. Tổ chức có vốn của Doanh nghiệp Nhà nước chuyển nhượng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Ông Lê Tài Đức Chức vụ: **Giám đốc**

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam xác nhận rằng Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ông Phạm Ngọc Hiệp Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 32/2025/GUQ-CKCT do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ký ngày 17/03/2025)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam với vai trò là tổ chức tư vấn đảm bảo rằng những phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng, các thông tin trong Bản công bố thông tin này là trung thực, chính xác dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu thu thập được từ Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam.

II. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, các từ hoặc nhóm từ viết tắt có nội dung như sau:

ATVSTP	: An toàn vệ sinh thực phẩm
BCTC	: Báo cáo tài chính
BDS	: Bất động sản
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng/Tập đoàn/PVN	: Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam
Công ty/PVTS/Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	: Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam
CTCP	: Công ty Cổ phần
CP	: Cổ phần
DHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
ĐKDN	: Đăng ký doanh nghiệp
HDQT	: Hội đồng Quản trị
HNX	: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
TMCP	: Thương mại cổ phần
TP	: Thành phố
VietinBank Securities/Tổ chức tư vấn/CTS	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản luật khác có liên quan.

III. GIỚI THIỆU TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

- Tên chủ sở hữu vốn Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam chuyển nhượng:
- Tên Tiếng Anh: VIETNAM NATIONAL INDUSTRY - ENERGY GROUP
- Tên viết tắt: PETROVIETNAM
- Trụ sở chính: Số 18 Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (024) 38252526
- Fax: (024) 38254050
- Logo



- Giấy chứng nhận ĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100681592 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2010, thay đổi lần thứ 13 ngày 11 tháng 04 năm 2025
- Vốn điều lệ: 281.500.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi một nghìn năm trăm tỷ đồng)

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam tiền thân là Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam, được thành lập ngày 03/9/1975 theo chủ trương tại Nghị quyết số 244/NQ-TW ngày 09/8/1975 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Quyết định số 170/CP của Hội đồng Chính phủ trên cơ sở Liên đoàn địa chất 36 và Vụ Dầu khí thuộc Tổng cục Hóa chất.

Ngày 29/8/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 198/2006/QĐ-TTg thành lập Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con. Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển thành công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 09/4/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 773/QĐ-TTg về việc đổi tên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

Theo Nghị định số 07/2018/NĐ-CP, Công ty mẹ - PVN là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. PVN có chức năng, nhiệm vụ cơ bản như sau:

- Tiến hành các hoạt động dầu khí và ký kết các hợp đồng dầu khí với các tổ chức, cá

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

nhân tiến hành hoạt động dầu khí theo quy định của Luật dầu khí; tổ chức công tác điều tra cơ bản và tổ chức quản lý, giám sát công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp khí, công nghiệp điện, chế biến dầu khí, tồn trữ và phân phối các sản phẩm dầu khí, dịch vụ dầu khí trên cơ sở hợp đồng với các nhà thầu dầu khí, với công ty con và với các tổ chức, cá nhân khác;

- Trực tiếp sản xuất, kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật. Các quan hệ kinh tế phát sinh giữa PVN và các doanh nghiệp khác trong PVN được thể hiện bằng hợp đồng kinh tế;

- Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết; chi phối công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của PVN;

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn của PVN tại công ty con, công ty liên kết và thực hiện quyền và nghĩa vụ của PVN theo hợp đồng liên kết đối với công ty liên kết mà PVN không góp vốn (nếu có);

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh trong PVN;

- Thực hiện những công việc khác mà Nhà nước giao cho PVN theo các quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của PVN và quy định của pháp luật.

Trải qua 50 năm hình thành và phát triển, PVN đã xây dựng cho đất nước một hệ thống công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh, đồng bộ chuỗi khép kín các hoạt động từ tìm kiếm, thăm dò, khai thác tới tồn trữ, vận chuyển và chế biến với 5 lĩnh vực:

- Tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí
- Công nghiệp khí
- Chế biến dầu khí
- Công nghiệp điện và năng lượng tái tạo
- Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí chất lượng cao

2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng

PVN là cổ đông nắm giữ 35% vốn điều lệ của PVTTS.

3. Số cổ phần sở hữu

PVN sở hữu **10.500.000 cổ phần** (chiếm tỷ lệ 35% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ) của PVTTS.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

Tên tiếng anh : PETROVIETNAM TRADE AND SERVICES JOINT

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

STOCK COMPANY

Tên viết tắt : PVTSJSC
 Điện thoại : 024. 35148699
 Fax : 024. 35148599
 Giấy ĐKDN : Số 0102278170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 01/06/2007, và Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 14/7/2025
 Mã số thuế : 0102278170
 Trụ sở chính : Tầng 1, Tòa nhà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, 18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 Website : <http://www.pvts.com.vn>
 Vốn điều lệ : 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)
 Người đại diện theo pháp luật : Lê Tài Đức – Giám đốc
 Mệnh giá : 10.000 đồng
 Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Logo

:



Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng nhà để ở	4101
2	Xây dựng nhà không để ở	4102
3	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5	Xây dựng công trình điện	4221
6	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8	Xây dựng công trình công ích khác	4229

9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình cửa; Xây dựng đường hầm; Xây dựng các công trình thể thao ngoài trời	4299
10	Phá dỡ	4311
11	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
12	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
14	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
15	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
17	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa: (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
18	Bán buôn thực phẩm	4632
19	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
22	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4661
23	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)	4662
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh vật liệu xây dựng	4663
25	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ bán buôn được phẩm)	4669
26	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh	4711

	tổng hợp	
27	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
28	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
29	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
30	Dịch vụ phục vụ đồ uống: Chi tiết: Quán rượu, bia (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
31	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn cung cấp giải pháp thương mại điện tử và thông tin thị trường (trừ thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	6399
32	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đầu tư trong và ngoài nước; Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính); Đầu tư thực hiện việc sáp nhập doanh nghiệp	6619
33	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
34	Hoạt động tư vấn và quản lý Chi tiết: Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ quan hệ công chúng; Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp; Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính); Tư vấn về cổ phần hoá (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật)	7020
35	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110

	Chi tiết: Dịch vụ quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)	
36	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại và quảng cáo phi thương mại; Tư vấn chiến lược truyền thông	7310
37	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Quảng cáo thương mại và Quảng cáo phi thương mại; Tư vấn chiến lược truyền thông; Dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường	7320
38	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Môi giới thương mại	7490
39	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh tua du lịch	7911
40	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Lữ hành quốc tế và nội địa	7912
41	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
42	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Ủy thác mua bán hàng hoá	8299 (Chính)
43	Đào tạo sơ cấp	8531
44	Đào tạo trung cấp	8532
45	Đào tạo cao đẳng	8533
46	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Trừ: Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể	8559
47	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
48	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động vui chơi, giải trí	9329
49	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Trừ: Day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền	9610
50	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620

(Nguồn: Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp)

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (PVTs) tiền thân là Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI), được thành lập theo Nghị quyết số 1194/NQ-DKVN ngày 19/04/2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

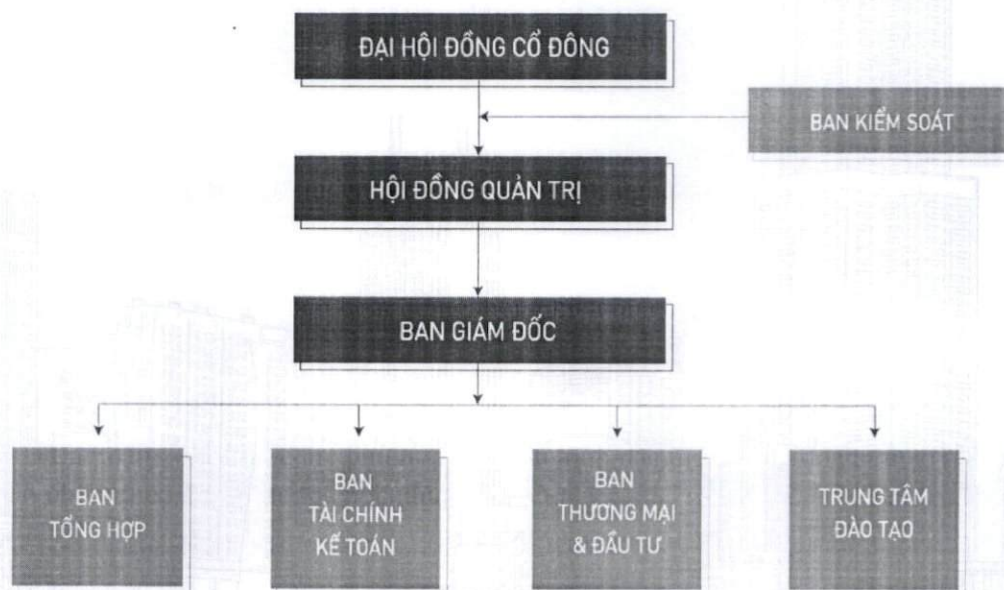
Ngày 01/06/2007, Công ty PVFI chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102278170 và lần thay đổi gần nhất lần thứ 19 ngày 14/07/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp với chức năng là công cụ tài chính thực hiện dịch vụ quản lý, phân chia cổ phiếu cho CBCNV PVN và các đơn vị trong ngành, PVFI là đơn vị duy nhất đại diện cho Cán bộ công nhân viên PVN thực hiện đầu tư vào các dự án, các công ty cổ phần; đại diện quản lý phần vốn góp của Cán bộ công nhân viên PVN tại các công ty cổ phần/dự án; đồng thời thực hiện đầu tư tài chính, cung cấp các loại hình dịch vụ liên quan đến doanh nghiệp và phát triển kinh doanh.

Từ năm 2013, PVFI tập trung thực hiện xử lý các tồn tại trong các khoản đầu tư.

Tháng 12/2022, PVFI chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (PVTs) và chuyển định hướng ngành nghề kinh doanh, bổ sung các lĩnh vực như dịch vụ đào tạo, tổ chức sự kiện, thương mại và dịch vụ... cho các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí. Sự chuyển đổi này đánh dấu bước ngoặt trong quá trình tái cấu trúc Công ty, giúp PVTs sau nhiều năm hoạt động không hiệu quả dần thích ứng với thị trường và có cơ hội phát triển.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

PVTs thiết lập cơ cấu tổ chức phù hợp với tình hình đặc điểm kinh doanh theo mô hình Công ty Cổ phần; theo đó, sơ đồ tổ chức như sau:



(Nguồn: PVTs)

Trong đó:**❖ Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ được quy định tại theo Điều 13 Điều lệ của PVTs và Điều 138 Luật Doanh nghiệp.

❖ Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định cụ thể tại Điều 24 Điều lệ PVTs và Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty tại thời điểm 30/9/2025:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Tài Đức	Thành viên HĐQT
3	Bà Đinh Thị Huyền Anh	Thành viên HĐQT

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp, Điều 288 Nghị định 155/2020/ND-CP và Điều 32 Điều lệ PVTs.

Danh sách Ban Kiểm soát của Công ty như sau (Công ty chưa bầu được Trưởng ban kiểm soát):

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Dương Văn Chuyên	Thành viên Ban Kiểm soát
2	Bà Hà Thị Thu Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm bằng một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc tại Điều 29 Điều lệ PVTs.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. (Công ty hiện không bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc), thông tin cụ thể như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Lê Tài Đức	Giám đốc

❖ **Các phòng ban của Công ty**

Công ty có 03 phòng ban và có 01 trung tâm đào tạo. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm đào tạo như sau:

- Ban Tổng hợp: Tham mưu và giúp việc cho HĐQT, Giám đốc trong các công việc về công tác hành chính quản trị, văn thư lưu trữ; công tác thư ký, trợ lý; công tác pháp chế; công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và chế độ chính sách, thi đua khen thưởng, kỷ luật, đào tạo; công tác quản lý cổ đông và dịch vụ khác.

- Ban Tài chính kế toán: Tham mưu giúp việc cho Lãnh đạo Công ty về công tác tài chính, kế toán và kiểm tra, giám sát tài chính, kế toán, quản lý tài sản, tiền vốn của PVTS.

- Ban Thương mại & Đầu tư: Tham mưu và giúp việc cho Lãnh đạo Công ty về công tác thương mại các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài ngành Dầu khí; Đầu tư và tổ chức quản lý danh mục đầu tư của PVTS

- Trung tâm đào tạo: Tham mưu và giúp việc cho Lãnh đạo Công ty về công tác thương mại các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài ngành Dầu khí; Đầu tư và tổ chức quản lý danh mục đầu tư của PVTS.

3. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông của Công ty

3.1. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102278170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 01/06/2007, và Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 14/7/2025. Vốn điều lệ của PVTS là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng). Vốn điều lệ thực góp đến 30/9/2025 là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

3.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/9/2025

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/9/2025

STT	Danh mục	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	4.762	29.994.000	299.940.000.000	99,98
1	Cổ đông tổ chức	08	19.844.700	198.447.000.000	66,15
2	Cổ đông cá nhân	4.754	10.149.300	101.493.000.000	33,83
II	Cổ đông nước ngoài	1	6.000	60.000.000	0.02
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0

STT	Danh mục	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
2	Cổ đông cá nhân	1	6.000	60.000.000	0,02
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	4.763	30.000.000	300.000.000.000	100

(Nguồn: PVTs)

3.3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/9/2025

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên của Công ty tại ngày 30/9/2025

TT	Họ và tên	Số lượng cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần nắm giữ tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL
1	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	10.500.000	105.000.000.000	35%
2	Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	3.300.000	33.000.000.000	11%
3	Công ty CP Chứng khoán SME	3.112.400	31.124.000.000	10,37%
4	Công ty CP Chứng khoán Dầu khí	2.009.300	20.093.000.000	6,7%
	TỔNG CỘNG	18.921.700	189.217.000.000	63,07%

(Nguồn: PVTs)

4. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết mà Công ty đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Không có.

5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Hiện nay, Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ như: dịch vụ đào tạo, dịch vụ tổ chức sự kiện, hợp tác thương mại. Các dịch vụ của Công ty cụ thể như sau:

- Dịch vụ đào tạo: Công ty đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo chuyên ngành tài chính, kỹ thuật tập huấn và thu hút được nhiều sự quan tâm của các đơn vị trong ngành;

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

- Tổ chức sự kiện đầu khí: PVTs tập trung vào các loại hình tổ chức hội thảo, tổ chức hội nghị, team - building;

- Thương mại: PVTs hợp tác cùng Công ty CP hàng tiêu dùng Go&Go - là doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm thực phẩm, trong đó sản phẩm dầu ăn được nhập khẩu đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn ATVSTP theo quy định để cung cấp ra thị trường.

Bảng 3: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2023 – 9 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	(%) Tăng/giảm 2024/2023	9 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	287.422	290.518	1,08%	259.642
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.692	49.997	17,11%	25.749
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.692	49.997	17,11%	25.749
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.426	2.754	-73,59%	12.765
Lợi nhuận khác	20	39	95%	-7
Lợi nhuận trước thuế	10.446	2.793	-73,26%	12.758
Lợi nhuận sau thuế	10.446	2.793	-73,26%	12.758
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng năm 2025 do PVTs lập)

Theo báo cáo tài chính năm 2024 của PVTs, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 49.997 triệu đồng, tăng 17,11% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 2.793 triệu đồng, giảm 73,26% so với năm 2023. Nguyên nhân là do biến động trong chi phí quản lý doanh nghiệp. Cụ thể, năm 2023, chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận âm 11.045 triệu đồng do công ty hoàn nhập dự phòng 14.199 triệu đồng (hoàn nhập dự phòng hai mã chứng khoán PTL, PXL nhận về từ Cơ quan cảnh sát Điều tra C03 do đánh giá lại giá trị tài sản đảm bảo), trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư 4.200 triệu đồng (300.000 cổ phiếu Cotec - CTCP kỹ thuật và vật liệu xây dựng).

Số liệu tài chính cho thấy, năm 2024 Công ty gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, mặc dù Công ty đã tăng được doanh thu so với cùng kỳ nhưng do giá vốn hàng bán tăng dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm từ đó công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế giảm hơn so với năm 2023.

6. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

6.1. Tình hình tài chính của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025**Bảng 4: Tình hình tài chính của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025***Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	(%) Tăng/giảm 2024/2023	30/9/2025
I	Tổng cộng Tài sản	287.422	290.518	1,08%	259.642
1	Tài sản ngắn hạn	216.044	218.820	1,18%	188.044
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	756	660	-12,70%	10.328
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	211.460	211.386	-0,03%	159.869
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	-19.278	-16.236	-15,78%	-6.078
-	Hàng tồn kho	17.720	17.657	-0,36%	18.553
-	Tài sản ngắn hạn khác	5.387	5.353	-0,63%	5.373
2	Tài sản dài hạn	71.378	71.697	0,45%	71.598
-	Các khoản phải thu dài hạn	15	115	666,67%	115
-	Tài sản cố định	149	89	-40,27%	49
-	Đầu tư tài chính dài hạn	71.013	71.346	0,47%	71.346
-	Tài sản dài hạn khác	200	147	-26,50%	87
II	Tổng cộng Nguồn vốn	287.422	290.518	1,08%	259.642
1	Nợ phải trả	429.215	429.519	0,07%	385.884
-	Nợ ngắn hạn	358.202	358.173	-0,01%	314.538
-	Nợ dài hạn	71.013	71.346	0,47%	71.346
2	Vốn chủ sở hữu	-141.793	-139.001	-1,97%	-126.242
-	Vốn góp chủ sở hữu	300.000	300.000	0%	300.000
-	Quỹ đầu tư phát triển	2.052	2.052	0%	2.052
-	Quỹ khác thuộc vốn	1.026	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	(%) Tăng/giảm 2024/2023	30/9/2025
	chủ sở hữu				
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-444.871	-441.052	-0,86%	-428.294

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng năm 2025 do PVTs lập)

❖ Tài sản: Tại thời điểm 31/12/2024, Tổng tài sản của Công ty đạt 290.518 triệu đồng trong đó tài sản ngắn hạn là 218.820 triệu đồng chiếm 75,32% tổng tài sản, 09 tháng đầu năm 2025 đạt 259.642 triệu đồng.

❖ Tài sản ngắn hạn: Các khoản mục chính trong tài sản ngắn hạn của công ty gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, Các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho, cụ thể như sau:

❖ Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2024 là 660 triệu đồng, trong đó tiền mặt là 142 triệu đồng và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 518 triệu đồng. 09 tháng đầu năm 2025 tiền và các khoản tương đương tiền là 10.328 triệu đồng.

❖ Các khoản đầu tư tài chính:

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Bảng 5: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		30/9/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn	173.779	-119.486	167.637	-116.873	130.362	-116.873
Ủy thác quản lý vốn hưởng lãi suất cố định, Công ty không chia sẻ rủi ro ⁽¹⁾	157.110	-119.486	157.110	-116.873	15.000	-116.873
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng ⁽²⁾	16.668	-	10.527	-	115.362	10.527

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng năm 2025 do PVTs lập)

⁽¹⁾ Đây là số dư các hợp đồng ủy thác đầu tư nguồn vốn của Công ty, thực hiện ủy thác cho các đối tác với thời hạn ủy thác dưới 12 tháng (đáo hạn trong năm 2011), Công ty được hưởng lãi suất cố định. Công ty không chia sẻ rủi ro. Công ty vẫn chưa thu hồi được số tiền ủy thác trên

⁽²⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:

Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

giá trị 10.527 triệu đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,7% đến 7,08% năm.

+ Chứng khoán kinh doanh

Bảng 6: Chứng khoán kinh doanh của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2023			31/12/2024			30/9/2025		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
1	Tổng giá trị cổ phiếu	41.935	2.919	-4.356	47.967	2.955	-4.320	33.725	2.955	-4.320
-	Cổ phiếu tự doanh	7.275	2.919	-4.356	7.275	2.955	-4.320	8.033	2.955	-4.320
-	Các khoản cổ phiếu là giá trị tài sản đảm bảo khắc phục hậu quả ủy thác quản lý vốn của SME theo Quyết định xử lý vật chứng 07/C03 ngày 16/12/2019 do Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc bộ công an ban hành	34.660	-	-	40.692	-	-	25.692	-	-
2	Hợp tác đầu tư chứng khoán thu lãi cố định	196.372	102	-196.270	196.372	102	-196.270	196.372	102	-196.270
	Tổng	238.307	3.021	-200.626	244.339	3.057	-200.590	230.097	3.057	-200.590

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng năm 2025 do PVTSL lập)

Bảng 7: Phải thu ngắn hạn của khách hàng giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025

Đơn vị: Triệu đồng

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyên nhượng:
Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TT	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		30/9/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
1	Bên liên quan	9	-9	2.638	-9	-	-
-	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	9	-9	9	-9	-	-
-	Chi nhánh Phát điện Dầu khí – NM Nhiệt điện Thái Bình 2	-	-	1.038	-	-	-
-	Chi nhánh Phát điện Dầu khí – NM Nhiệt điện Sông Hậu 1	-	-	510	-	-	-
-	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	-	-	513	-	-	-
-	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt nam - CTCP	-	-	568	-	-	-
-	CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	-	-	-	-	-
-	Công đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-	-	-	-	-
-	Ban điều hành dự án lô 01/97& 02/97	-	-	-	-	-	-
2	Bên khác	73.129	-25	73.099	-25	73.715	-
-	Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu D&T	73.073	-	73.074	-	-	-
-	Các khách hàng khác	56	-25	25	-25	73.715	-
	Tổng	73.138	-35	75.737	-35	73.715	-

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng năm 2025 do PVTs lập)

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

- ❖ Tài sản dài hạn: các khoản mục chính trong tài sản dài hạn gồm tài sản cố định và đầu tư tài sản dài hạn, cụ thể như sau:
+ Tài sản cố định:

Bảng 8: Tài sản cố định của Công ty giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023			31/12/2024			30/9/2025		
	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	1.058	-1.027	31	1.058	-1.047	10	1.058	-1.058	0
Tài sản cố định vô hình	118	-	118	118	-39	79	118	-69	49

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng năm 2025 do PVTS lập)

- + Đầu tư tài chính dài hạn:

Bảng 9: Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác giai đoạn 31/12/2023 – 30/9/2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Mã chứng khoán	31/12/2023			31/12/2024			30/9/2025		
			Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng (%)
	Các khoản Ủy thác đầu tư		71.013	-	-	71.346	-	-	71.346	-	-
-	Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần	SSB	3.160	-	-	3.493	-	-	3.493	-	-

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

TT	Khoản mục	Mã chứng	31/12/2023			31/12/2024			30/9/2025		
	Đông Nam Á										
-	Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu Công ty CP Victory	PTL	3.558	-	-	3.558	-	-	3.558	-	-
-	Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu Công ty CP Xi măng Hạ Long		64.295	-	-	64.295	-	-	64.295	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng năm 2025 do PVTs lập)

❖ Nguồn vốn:

❖ Tổng nguồn vốn của PVTs tại thời điểm 30/09/2025 là 259.462 triệu đồng. Trong cơ cấu nguồn vốn của PVTs, các khoản mục nợ ngắn hạn, nợ dài hạn và vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn cụ thể như sau: Các khoản nợ phải trả: Tại thời điểm 30/9/2025, các khoản nợ phải trả là 385.884 triệu đồng chiếm 149% tổng nguồn vốn, đã vượt quá vốn chủ sở hữu.

6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 10: Chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,60	0,61
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,55	0,56
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Lần		
+ Hệ số Nợ (Nợ phải trả)/Tổng tài sản	Lần	1,49	1,48
+ Hệ số Nợ (Nợ phải trả)/Vốn chủ sở hữu	Lần	-	-
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	Lần		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,24	0,06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Lần	-	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	Lần	0,04	0,01
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Lần	0,24	0,06
+ Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	3,48	0,93
+ Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	%	-	-

(Nguồn: BCTC 2023 và năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty)

- Khả năng thanh toán:

Các hệ số khả năng thanh toán của PVTS năm 2023 và năm 2024 đều ở mức thấp. Hệ số khả năng thanh toán nhanh và thanh toán nợ ngắn hạn đều ở mức nhỏ hơn 1. Mặc dù có sự cải thiện theo chiều hướng tốt hơn trong năm 2024 so với năm 2023 nhưng mức độ tăng không đáng kể, thể hiện Công ty vẫn còn nhiều khó khăn trong thanh toán nợ phải trả.

- Cơ cấu vốn:

Do vốn chủ sở hữu của PVTS bị âm, nên hiện tại Công ty đang hoạt động dựa hoàn toàn vào nguồn nợ phải trả.

- Khả năng sinh lời:

Năm 2023 và năm 2024 PVTS đã hoạt động kinh doanh có lãi. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 và năm 2024 lần lượt là 10.446 triệu đồng và 2.793 triệu đồng. Nhờ đó, khả năng sinh lời của PVTS đã cải thiện được phần nào. Tuy nhiên, lợi nhuận đạt được còn rất nhỏ so với quy mô tài sản, đồng thời Công ty vẫn còn khoản lỗ lũy kế rất lớn nên năng lực kinh doanh của Công ty chưa thể được đánh giá cao.

7. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

Hiện tại Công ty có 05 khu đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

Bảng 11: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty tại ngày 30/9/2025

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất (*)	Mục đích sử dụng đất	Thời gian sử dụng	Hình thức sử dụng	Hiện trạng của khu đất
1	Số 39 ngách 310/62 tổ 7 Ngọc Lâm, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	131,2	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 386813 Phòng ĐKĐĐ Hà Nội cấp ngày 05/10/2023. Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất.	Đất ở tại đô thị	Lâu dài	Sử dụng riêng	Đất đang để trống, không có công trình xây dựng trên đất
2	Tổ 4, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Hà Nội	295,2	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 386812 Phòng ĐKĐĐ Hà Nội cấp ngày 03/10/2023. Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở tại đô thị 176,4m ² ; sử dụng làm ngõ đi chung: 118,8m ²	Lâu dài	Sử dụng riêng 176,4m ² , sử dụng chung: 118,8m ²	Đất đang để trống, không có công trình xây dựng trên đất
3	Số 136 Quốc bào, Văn diễn,	34,8	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn	Đất ở tại đô thị	Lâu dài	Sử dụng riêng	Đất đang để trống, không có công trình xây dựng

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất (*)	Mục đích sử dụng đất	Thời gian sử dụng	Hình thức sử dụng	Hiện trạng của khu đất
	Thanh trì, Hà Nội		liền với đất số BY 076787 Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 20/01/2015. Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng đất.				trên đất
4	Khu dân cư lô số 13 khu đô thị Nam Cần Thơ, Cái Răng, Cần Thơ	425,6	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 791820 Phòng ĐKĐĐ Cần Thơ cấp ngày 18/09/2023 Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng đất, có thu tiền sử dụng đất.	Đất ở tại đô thị	Lâu dài	Sử dụng riêng	Đất đang để trống, không có công trình xây dựng trên đất
5	Mảnh đất tại tờ bản đồ số 22 tại tổ 38, phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội	41,9	Hiện trạng là Hợp đồng công chứng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại văn phòng công chứng Thăng Long TP Hà Nội, số công chứng: 2094.2014/CNQSDĐ Ngày 27/5/2014	Đất ở tại đô thị	Lâu dài	Sổ đỏ mang tên khách hàng. PVFI và khách hàng đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (sổ công chứng	Đang thực hiện sang tên PVTs nhưng do Công ty PVTs đổi tên (tên trước đây PVFI) nên VP đăng ký đất đai TP Hà Nội xem xét tổng thể các quy định của pháp luật để có phương án giải quyết

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất (*)	Mục đích sử dụng đất	Thời gian sử dụng	Hình thức sử dụng	Hiện trạng của khu đất
						2094.2014/CN QSDĐ) ngày 27/5/2014 và đang làm thủ tục sang tên bất động sản về PVTS	

(*) Nguồn gốc khu đất căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

8. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025

Bảng 12: Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
			Giá trị	% tăng/giảm
Doanh thu và thu nhập khác	tỷ đồng	50,78	55,55	9,39
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	2,79	0,50	-82,08
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu và thu nhập khác	%	5,49	0,90	-83,62
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (*)	%	-	-	-
Tỷ lệ chia cổ tức	%	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết số 45/NQ -PVTS.DHĐCĐ ngày 30/06/2025 của PVTS)

(*) Đại hội đồng cổ đông không thông qua chỉ tiêu vốn chủ sở hữu.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận nói trên:

Kế hoạch lợi nhuận của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch, phản ánh định hướng ổn định hoạt động tài chính sau giai đoạn biến động mạnh của năm 2024.

Kế hoạch doanh thu năm 2025 được đặt ra với mức tăng trưởng 9,39% so với năm trước, cho thấy kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng từ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ đào tạo, tổ chức sự kiện và thương mại.

Công ty dự kiến tiếp tục triển khai các biện pháp tái cấu trúc danh mục đầu tư (cổ phiếu/bất động sản) theo hướng giảm thiểu rủi ro và hiệu quả sử dụng vốn. Đồng thời, việc tăng cường kiểm soát chi phí vận hành và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động cũng được xem là nhân tố then chốt để đảm bảo khả năng hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận đã hoạch định.

Trên cơ sở đó, kế hoạch lợi nhuận sau thuế ở mức 0,5 tỷ đồng trong năm 2025 là hợp lý, phù hợp với bối cảnh tài chính và định hướng điều hành của Công ty trong giai đoạn phục hồi.

9. Một số hợp đồng lớn mà Công ty đã và đang thực hiện

Bảng 13: Một số hợp đồng lớn của Công ty đã và đang thực hiện

Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:
Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Đối tác	Số hợp đồng	Nội dung hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	PVN	Số 5677/HĐ-DKVN ngày 08/8/2024	Tổ chức chương trình Hội thảo chuyên môn về công tác kiểm soát năm 2024 của PVN	07/8/2024-09/8/2024	739.800.000
2	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	85/HĐ/PVP.TCKT-PVTS/2024/DV ngày 20/12/2024	Tổ chức Hội thảo “Giải pháp quản trị rủi ro về hóa đơn điện tử và tối ưu hóa chi phí thuế TNDN tại PV Power”	23/12/2024 - 24/12/2024	568.458.000
3	Chi nhánh phát điện Dầu khí – Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	365/2024/CNPĐ/NMNDĐTĐB-PVTS ngày 04/12/2024	Tổ chức, đào tạo, bồi huấn nghiệp vụ và kiểm tra cấp chứng nhận vận hành chức danh Trưởng ca nhà máy điện	09/12/2024 - 13/12/2024	568.458.000
4	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	63/NT2.TCHC-PVTS/2024/DV ngày 05/12/2024	Tổ chức, đào tạo: Bồi huấn nghiệp vụ và kiểm tra cấp chứng nhận vận hành chức danh Trưởng ca nhà máy điện năm 2024	09/12/2024 - 13/12/2024	210.600.000
5	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	207/2025/PVGAS/TMĐT-PVTS/D4	Tổ chức sự kiện “Đánh giá tác động sắc lệnh thuế đối ứng do Mỹ công bố đối với hoạt động sản xuất kinh doanh”	16/5/2025 - 17/5/2025	404.568.000

(Nguồn: PVTS)

10. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

11. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn

- Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam đã nộp đơn kiện Công ty CP Chứng khoán SME (SME) về tranh chấp kinh doanh thương mại liên quan đến các hợp đồng đầu tư chứng khoán niêm yết và ủy thác quản lý vốn.

- + Ngày 21/06/2011 và 24/06/2011, PVTs nộp đơn kiện SME.
- + Ngày 04/07/2011, Tòa án nhân dân TP. Hà Nội thụ lý vụ án.
- + Ngày 20/03/2013, Tòa đình chỉ giải quyết vụ án do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an điều tra vụ án hình sự liên quan đến SME và PVTs.
- + Sau quá trình điều tra, ngày 14/06/2019, C03 Bộ Công an kết luận có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Ngày 12/12/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tuyên bản án số 590/2023/HSST, yêu cầu các bị cáo khắc phục thiệt hại 109,758 tỷ đồng cho PVTs. Các bị cáo đã kháng cáo, Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận kháng cáo và ra Quyết định Bản án phúc thẩm số 443/2025/HSPT ngày 22/5/2025.

Hiện tại, SME đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế vào ngày 27/03/2019. Theo 02 (hai) hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư số 56/2010/PVFI/UTQLV ngày 17/08/2010 và số 61/2010/PVFI/UTQLV ngày 24/09/2010, SME đã thực hiện cầm cố toàn bộ 3.112.400 cổ phiếu của PVTs cho chính PVTs để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Hiện SME vẫn đang lưu giữ Giấy chứng nhận cổ phiếu này.

- Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam đã có đơn khởi kiện Công ty CP Chứng khoán Phố Wall về tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết theo thỏa thuận hợp tác ngày 13/05/2009 lên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- + Ngày 29/03/2013, Tòa ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, do cần chờ kết quả từ Cục Cảnh sát kinh tế - Bộ Công an. Từ đó đến nay, PVTs chưa nhận thêm thông báo nào từ Tòa án về tiến trình giải quyết vụ kiện.

- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Pvcombank) khởi kiện Công ty CP Thương mại và Xuất nhập khẩu D&T (Công ty D&T) và PVTs tại Tòa án nhân dân Quận Ba Đình - Hà Nội. Ngày 22/12/2023 Tòa án thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại số 159/2023/TLST - KDTM về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy thác đầu tư”; Ngày 26/6/2024 Tòa án nhân dân Quận Ba Đình - thành phố Hà Nội có Quyết định số 213/2024/QĐST-KDTM đưa vụ án ra xét xử; Sau một thời gian hòa giải và xét xử ngày 26/7/2024, Tòa ra quyết định Bản án số 98/2024/KDTM -ST buộc Công ty D&T và PVTs phải liên đới trả cho Pvcombank số tiền 461.414.081.828 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc ủy thác đầu tư: 71.104.769.960 đồng, lợi tức ủy thác đầu tư còn lại là: 2.107.880.322 đồng, lãi chậm thanh toán: 388.201.431.546 đồng. Hai bên phải liên đới chịu số tiền án phí là: 569.414.082 đồng. Tòa cũng ghi nhận sự tự nguyện giao nộp tài sản của Công ty D&T là: Tòa nhà văn phòng và khách sạn 09 tầng gắn liền với thửa đất có diện tích 1.982,7m² tại phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng (*hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất công chứng số 01832.2012.HDTC ngày 25/9/2012*) và toàn bộ phần vốn góp trị giá 15.954.000.000

đồng, chiếm 79,77% vốn Điều lệ trong Công ty CP Đầu tư thương mại dịch vụ Bất động sản Hải phòng (*hợp đồng thế chấp phần vốn góp và quyền góp vốn số 03/2014/HĐTC ngày 03/6/2014*) để Cơ quan thi hành án có thẩm quyền, phát mại tài sản đảm bảo thu hồi nợ theo yêu cầu của Pvccombank. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản nêu trên sẽ được thanh toán cho Pvccombank, nếu có dư Pvccombank phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng số tiền còn thiếu.

12. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023, 2024 của Công ty

12.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại ngày 31/12/2023, Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 142,16 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2023 là 152,31 tỷ VND), Vốn chủ sở hữu của Công ty âm 141,80 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là âm 152,24 tỷ VND). Phần lớn các thỏa thuận tài chính của Công ty đã quá hạn thanh toán và chưa có nguồn để hoàn trả (Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 15). Đồng thời, Công ty có nghĩa vụ thanh toán nhận ủy thác đầu tư chịu lãi suất cố định không chia sẻ rủi ro (Chi tiết tại thuyết minh 15(2a) tại ngày 31/12/2023 với số tiền trị giá 71,1 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 76,1 tỷ VND) và đã quá hạn hơn 05 năm kể từ ngày 31/12/2018; Công ty đã sử dụng phần lớn số vốn ủy thác kể trên để kinh doanh thép và Công ty còn phải thu các đối tác (Chi tiết tại thuyết minh số 5(*), số tiền trị giá 73,07 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 78,07 tỷ VND). Thực tế này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Từ các tài liệu đã được cung cấp, Chúng tôi không thể đánh giá về giả định hoạt động liên tục của Công ty và đánh giá được tính hiện hữu và chính xác và phù hợp của các tài sản thế chấp liên quan liên quan đến các các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng nhận ủy thác này cũng như các khoản phải thu của khách hàng có liên quan và các điều chỉnh nếu có tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023.

Công ty đang ghi nhận các khoản đầu tư vào cổ phiếu tự doanh tại 01/01/2023 với giá trị 7,31 tỷ VND và tại 31/12/2023 với giá trị 6,03 tỷ VND tại khoản mục Chứng khoán kinh doanh (Chi tiết tại Thuyết minh số 04). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu nhưng chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về khoản đầu tư tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được liệu có phải thực hiện các điều chỉnh cần thiết liên quan đến giá trị của các khoản này hay không.

Như Công ty đã trình bày tại các Thuyết minh số 40), 4(5a), 4(0), 7(0) tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 01/01/2023, Công ty đang theo dõi các khoản phải thu về ủy thác quản lý vốn và hợp tác đầu tư chứng khoán tồn đọng qua nhiều năm với tổng giá trị lần lượt là 359,63 tỷ VND và 359,63 tỷ VND (số đã trích dự phòng tại 01/01/2023 và 31/12/2023 là 329,91 tỷ VND và 315,76 tỷ VND). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản phải thu và lãi phát sinh tương ứng cũng như dự phòng cần trích lập theo quy định.

Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 15 (không bao gồm Thuyết minh số 152) Công ty có các nghĩa vụ thanh toán đã quá hạn liên quan đến các khoản nhận ủy thác đầu tư ngắn hạn và nhận vốn ủy thác đầu tư dài hạn với tổng giá trị tại ngày 31/12/2023 và ngày 01/01/2023 lần lượt là 151,65 tỷ VND và 157,58 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023, Công ty chưa thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các nghĩa vụ này. Chúng tôi không thể thu thập được

đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, tính chính xác của số dư nợ gốc và các nghĩa vụ thanh toán phát sinh. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được liệu có phải thực hiện các điều chỉnh cần thiết liên quan đến các nghĩa vụ nợ và tổn thất tài chính của Công ty phát sinh từ các khoản nhận ủy thác này hay không.

Ngoài các nội dung nêu trên, Các khoản công nợ phải thu chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2023 và 01/01/2023 lần lượt là 2,52 tỷ VND và 2,51 tỷ VND. Các khoản công nợ phải trả chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2023 và 01/01/2023 lần lượt là 37,53 tỷ VND và 129,18 tỷ VND (chủ yếu là các khoản phải trả về cổ tức qua nhiều năm). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng khẳng định tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản công nợ này.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam là Công ty đại chúng. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2023, Công ty đang thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và thủ tục nộp hồ sơ đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết theo quy định tại Điều 34, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 do Quốc hội ban hành về quyền và nghĩa vụ của Công ty Đại chúng nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

12.2. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2024

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại ngày 31/12/2024, Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 139,35 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2024 là 142,16 tỷ VND), Vốn chủ sở hữu của Công ty âm 139 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là âm 141,80 tỷ VND). Phần lớn các thỏa thuận tài chính của Công ty đã quá hạn thanh toán và chưa có nguồn để hoàn trả (Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 15). Đồng thời, Công ty có nghĩa vụ thanh toán nhận ủy thác đầu tư chịu lãi suất cố định không chia sẻ rủi ro (Chi tiết tại thuyết minh 152a) tại ngày 31/12/2024 với số tiền trị giá 71,1 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 71,1 tỷ VND) và đã quá hạn; Công ty đã sử dụng phần lớn số vốn ủy thác kể trên để kinh doanh thép và Công ty còn phải thu các đối tác (Chi tiết tại thuyết minh số 5(*)), số tiền trị giá 73,07 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 73,07 tỷ VND). Thực tế này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Từ các tài liệu đã được cung cấp, Chúng tôi không thể đánh giá về giả định hoạt động liên tục của Công ty và đánh giá được tính hiện hữu và chính xác và phù hợp của các tài sản thế chấp liên quan liên quan đến các các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng nhận ủy thác này cũng như các khoản phải thu của khách hàng có liên quan và các điều chỉnh nếu có tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024.

Công ty đang ghi nhận các khoản đầu tư vào cổ phiếu tự doanh tại 01/01/2024 với giá trị 6,03 tỷ VND và tại 31/12/2024 với giá trị 6,03 tỷ VND tại khoản mục Chứng khoán kinh doanh (Chi tiết tại Thuyết minh số 043). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu nhưng chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về

khoản đầu tư tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được liệu có phải thực hiện các điều chỉnh cần thiết liên quan đến giá trị của các khoản này hay không.

Như Công ty đã trình bày tại các Thuyết minh số 4(1); 4(5a); 4(5b); 7(1) tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 01/01/2024, Công ty đang theo dõi các khoản phải thu về ủy thác quản lý vốn và hợp tác đầu tư chứng khoán tồn đọng qua nhiều năm với tổng giá trị lần lượt là 359,63 tỷ VND và 359,63 tỷ VND (số đã trích dự phòng tại 01/01/2024 và 31/12/2024 là 315,76 tỷ VND và 313,14 tỷ VND). Ngoài ra, các khoản cổ phiếu là giá trị tài sản đảm bảo để thực hiện khắc phục hậu quả Ủy thác quản lý vốn của SME chưa đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo trên tại 31/12/2024 và trong năm, Công ty thay đổi cách thức xác định giá trị các khoản cổ phiếu là tài sản khắc phục hậu quả vụ kiện liên quan đến khoản ủy thác quản lý vốn của SME và ảnh hưởng sự thay đổi này như trình bày tại TM số 4(4). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản phải thu và lãi phát sinh tương ứng cũng như dự phòng cần trích lập theo quy định.

Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 15 (không bao gồm Thuyết minh số 15(2a)) Công ty có các nghĩa vụ thanh toán đã quá hạn liên quan đến các khoản nhận ủy thác đầu tư ngắn hạn và nhận vốn ủy thác đầu tư dài hạn với tổng giá trị tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024 lần lượt là 145,35 tỷ VND và 151,65 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024, Công ty chưa thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các nghĩa vụ này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, tính chính xác của số dư nợ gốc và các nghĩa vụ thanh toán phát sinh. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được liệu có phải thực hiện các điều chỉnh cần thiết liên quan đến các nghĩa vụ nợ và tổn thất tài chính của Công ty phát sinh từ các khoản nhận ủy thác này hay không.

Ngoài các nội dung nêu trên, Các khoản công nợ phải thu chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 lần lượt là 2,57 tỷ VND và 2,52 tỷ VND. Các khoản công nợ phải trả chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 lần lượt là 20,73 tỷ VND và 37,53 tỷ VND (chủ yếu là các khoản phải trả về cổ tức qua nhiều năm). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng khẳng định tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản công nợ này.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam Công ty đại chúng. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2024, Công ty đang thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thủ tục nộp hồ sơ đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết theo quy định tại Điều 34, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 do Quốc hội ban hành về quyền và nghĩa vụ của Công ty Đại chúng nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

13. Những điều khoản loại trừ và hạn chế của kết quả thẩm định giá

13.1. Báo cáo tài chính

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến từ chối về các nội dung sau:

- + Tại ngày 31/12/2024, Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 139,35 tỷ đồng (tại thời điểm 01/01/2024 là 142,16 tỷ đồng), Vốn chủ sở hữu của Công ty âm 139 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là âm 141,80 tỷ đồng). Phần lớn các thỏa thuận tài chính của Công ty đã quá hạn thanh toán và chưa có nguồn để hoàn trả. Đồng thời, Công ty có nghĩa vụ thanh toán nhận ủy thác đầu tư chịu lãi suất cố định không chia sẻ rủi ro tại ngày 31/12/2024 với số tiền trị giá 71,1 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là 71,1 tỷ đồng) và đã quá hạn; Công ty đã sử dụng phần lớn số vốn ủy thác kể trên để kinh doanh thép và Công ty còn phải thu các đối tác, số tiền trị giá 73,07 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là 73,07 tỷ đồng). Thực tế này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Từ các tài liệu đã được cung cấp, Kiểm toán viên không thể đánh giá về giả định hoạt động liên tục của Công ty và đánh giá được tính hiện hữu và chính xác và phù hợp của các tài sản thế chấp liên quan liên quan đến các các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng nhận ủy thác này cũng như các khoản phải thu của khách hàng có liên quan và các điều chỉnh nếu có tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024.
- + Công ty đang ghi nhận các khoản đầu tư vào cổ phiếu tự doanh tại 01/01/2024 với giá trị 6,03 tỷ đồng và tại 31/12/2024 với giá trị 6,03 tỷ đồng tại khoản mục Chứng khoán kinh doanh. Kiểm toán viên đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về khoản đầu tư tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024. Do vậy, Kiểm toán viên không đánh giá được liệu có phải thực hiện các điều chỉnh cần thiết liên quan đến giá trị của các khoản này hay không.
- + Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 01/01/2024, Công ty đang theo dõi các khoản phải thu về ủy thác quản lý vốn và hợp tác đầu tư chứng khoán tồn đọng qua nhiều năm với tổng giá trị lần lượt là 359,63 tỷ đồng và 359,63 tỷ đồng (số đã trích dự phòng tại 01/01/2024 và 31/12/2024 là 315,76 tỷ đồng và 313,14 tỷ đồng). Ngoài ra, các khoản cổ phiếu là giá trị tài sản đảm bảo để thực hiện khắc phục hậu quả Ủy thác quản lý vốn của SME chưa đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo trên tại 31/12/2024 và trong năm, Công ty thay đổi cách thức xác định giá trị các khoản cổ phiếu là tài sản khắc phục hậu quả vụ kiện liên quan đến khoản ủy thác quản lý vốn của SME và ảnh hưởng sự thay đổi này. Kiểm toán viên đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản phải thu và lãi phát sinh tương ứng cũng như dự phòng cần trích lập theo quy định.
- + Công ty có các nghĩa vụ thanh toán đã quá hạn liên quan đến các khoản nhận ủy thác đầu tư ngắn hạn và nhận vốn ủy thác đầu tư dài hạn với tổng giá trị tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024 lần lượt là 145,35 tỷ đồng và 151,65 tỷ đồng. Tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024, Công ty chưa thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các nghĩa vụ này. Kiểm toán viên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, tính chính xác của số dư nợ gốc và các nghĩa vụ thanh toán phát sinh. Do vậy, Kiểm toán viên không đánh giá được liệu có phải thực hiện các điều chỉnh cần thiết liên quan đến các nghĩa vụ nợ và tổn thất tài chính của Công ty phát sinh từ các khoản nhận ủy thác này hay không.

- + Ngoài các nội dung nêu trên, Các khoản công nợ phải thu chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 lần lượt là 2,57 tỷ đồng và 2,52 tỷ đồng. Các khoản công nợ phải trả chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 lần lượt là 20,73 tỷ đồng và 37,53 tỷ đồng (chủ yếu là các khoản phải trả về cổ tức qua nhiều năm). Kiểm toán viên đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng khẳng định tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản công nợ này.
- + Các nội dung hạn chế này sẽ ảnh hưởng đến dữ liệu đầu vào của Báo cáo thẩm định giá và kết quả định giá giá trị cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam.

13.2. Phương pháp tài sản

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024, Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 139,35 tỷ đồng (tại thời điểm 01/01/2024 là 142,16 tỷ đồng), Vốn chủ sở hữu của Công ty âm 139 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là âm 141,80 tỷ đồng). Phần lớn các thỏa thuận tài chính của Công ty đã quá hạn thanh toán và chưa có nguồn để hoàn trả. Đồng thời, Công ty có nghĩa vụ thanh toán nhận ủy thác đầu tư chịu lãi suất cố định không chia sẻ rủi ro tại ngày 31/12/2024 với số tiền trị giá 71,1 tỷ đồng và đã quá hạn; Công ty đã sử dụng phần lớn số vốn ủy thác kể trên để kinh doanh thép và Công ty còn phải thu các đối tác, số tiền trị giá 73,07 tỷ đồng. Thực tế này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và đánh giá được tính hiện hữu và chính xác và phù hợp của các tài sản thế chấp liên quan liên quan đến các các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng nhận ủy thác này cũng như các khoản phải thu của khách hàng có liên quan và các điều chỉnh nếu có tại ngày 31/12/2024.

Công nợ phải thu, phải trả

Tỷ lệ đối chiếu công nợ phải thu, phải trả

Các khoản phải thu, phải trả được xác định trên cơ sở hồ sơ tài liệu do Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam cung cấp. Tại thời điểm thẩm định giá, Công ty đã thực hiện gửi thư đối chiếu công nợ nhưng chưa nhận được đầy đủ biên bản đối chiếu. Cụ thể như sau:

Tỷ lệ đối chiếu các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Số liệu theo sổ kế toán	Số đã có đối chiếu, xác nhận	Tỷ lệ đối chiếu, hồ sơ giải trình
Nợ phải thu dài hạn			
Phải thu dài hạn khác	115.000.000	-	0,00%
Nợ phải thu ngắn hạn			
Phải thu ngắn hạn khách hàng	75.737.275.953	2.629.200.624	3,00%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	18.395.156.600	18.382.156.600	100,00%

Phải thu ngắn hạn khác	30.069.954.206	-	0,00%
Tổng cộng	124.317.386.759	21.011.357.224	17,00%

Tỷ lệ đối chiếu các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Số liệu theo sổ kế toán	Số đã có đối chiếu, xác nhận	Tỷ lệ đối chiếu, hồ sơ giải trình
Nợ ngắn hạn			
Phải trả người bán ngắn hạn khác	97.302.959.690	97.302.030.350	100,00%
Phải trả ngắn hạn khác	260.133.483.413	17.612.778.267	7,00%
Nợ dài hạn			
Phải trả dài hạn khác	71.346.340.000	-	0,00%
Tổng cộng	428.782.783.103	114.914.808.617	27,00%

Với những tài liệu được cung cấp, Đơn vị tư vấn không có đầy đủ bằng chứng để xác nhận tính đầy đủ, tính chính xác và tính hiện hữu của các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam.

Các khoản công nợ phải thu

Thẩm định viên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp với các khoản phải thu có tổng giá trị là: 79.217.498.304 đồng. Do không đủ cơ sở để xác minh về tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản phải thu và các nghĩa vụ có thể phát sinh bổ sung nên đơn vị tư vấn xác định giá trị các khoản đầu tư này theo số liệu sổ sách để đảm bảo tính thận trọng, bảo toàn vốn Nhà nước khi thoái vốn tại doanh nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục 11 của Báo cáo thẩm định giá).

Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, giá trị dự phòng đã trích lập là 23.565.654.410 đồng. Do việc trích lập dự phòng được thực hiện trên cơ sở ước tính kế toán của Công ty, mặt khác số dư công nợ chưa được xử lý xóa nợ nên đơn vị tư vấn xác định giá trị dự phòng nợ khó đòi là 0 đồng khi xác định giá trị doanh nghiệp.

Các khoản công nợ phải trả

Công ty có khoản công nợ phải trả do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển nhượng lại cho Công ty 9.743.900 cổ phần do Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu (GP Bank) - trước đây là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu phát hành theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1592/HĐ-DKVN ngày 12/03/2009. Theo Hợp đồng, Công ty được phép trả chậm trong vòng 3 năm kể từ ngày 08/09/2008. Lãi suất trả chậm được xác định bằng 80% tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ của GP Bank và không thấp hơn 3%/năm trên thời gian thực tế trả chậm. Công ty không tính lãi phải trả Tập đoàn và tin tưởng rằng việc ghi nhận chi phí như trên là thận trọng dựa trên các thỏa thuận của Công ty với Tập đoàn. Thẩm định viên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu, tính chính xác của số dư nợ gốc và các nghĩa vụ thanh toán phát sinh. Do vậy, Thẩm định viên xác định lại theo giá trị sổ sách.

Công ty có các nghĩa vụ thanh toán đã quá hạn liên quan đến các khoản nhận ủy thác đầu tư ngắn hạn và nhận vốn ủy thác đầu tư dài hạn với tổng giá trị tại ngày 31/12/2024 là 145,35 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các nghĩa vụ này. Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi và nghĩa vụ phải trả trên Báo cáo tài chính đối với một số khoản phải trả người bán, phải trả nhận ủy thác quản lý, đầu tư đã quá hạn. Trường hợp, Công ty phát sinh nghĩa vụ phải trả sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả định giá. Thẩm định viên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu, tính chính xác của số dư nợ gốc và các nghĩa vụ thanh toán phát sinh. Do vậy, Thẩm định viên xác định lại theo giá trị sổ sách.

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn

Đối với các khoản chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Kiểm toán viên đã nêu ý kiến hạn chế trên Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 đã kiểm toán (Chi tiết tại Phụ lục 10 của Báo cáo thẩm định giá). Thẩm định viên xác định theo giá trị sổ sách, cụ thể như sau:

Đối với chứng khoán kinh doanh: Công ty có các khoản chứng khoán kinh doanh không còn giao dịch trên sàn chứng khoán có tổng giá trị là: 200.571.943.238 đồng. Do không có đủ cơ sở xác định chính xác giá trị hiện tại của các khoản chứng khoán kinh doanh nên Thẩm định viên xác định giá trị các khoản đầu tư này theo số liệu sổ sách để đảm bảo tính thận trọng, bảo toàn vốn Nhà nước khi thoái vốn tại doanh nghiệp.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty có sở hữu 141.661 cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Trung. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Trung chưa phát hành Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán. Do đó, Thẩm định viên xác định giá trị khoản chứng khoán kinh doanh này theo Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty là Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị là: 157.110.338.269 đồng và Dự phòng giảm giá khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 116.872.870.269 đồng đang vướng mắc về pháp lý, không có đủ cơ sở xác định chính xác giá trị hiện tại của các khoản chứng khoán kinh doanh nên đơn vị tư vấn xác định giá trị các khoản đầu tư này theo số liệu sổ sách để đảm bảo tính thận trọng, bảo toàn vốn Nhà nước khi thoái vốn tại doanh nghiệp.

Công ty có một số khoản chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn đã được trích lập dự phòng với tổng giá trị trích lập là 317.462.676.308 đồng. Thẩm định viên xác định lại giá trị dự phòng là 0 đồng và đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn theo giá trị thực tế. Đối với các trường hợp khoản đầu tư đã tồn đọng, chờ kết luận cuối cùng của cơ quan điều tra, do không có đủ cơ sở xác định chính xác giá trị tồn thất nên đơn vị tư vấn xác định giá trị các khoản đầu tư này theo số liệu sổ sách để đảm bảo tính thận trọng, bảo toàn vốn Nhà nước khi thoái vốn tại doanh nghiệp.

Quyền sử dụng đất

Công ty đang quản lý, sử dụng 295,2 m đất tại Tổ 4, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội mục đích để chuyển nhượng bất động sản khi tăng giá. Trong đó, có 118,8 m đất thuộc đất sử dụng làm ngõ đi chung (không có cơ sở để đánh giá lại giá trị). Do đó, Thẩm định viên xác định lại giá trị quyền sử dụng đất không bao gồm diện tích đất thuộc đất sử dụng làm ngõ đi chung khi xác định lại giá trị cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam.

Do hạn chế về mặt thị trường đối với các giao dịch mua bán hàng hóa bất động sản nên các lô bất động sản để so sánh hiện nay đang có sự khác biệt về diện tích sử dụng đất, vị trí đất... đã được sử dụng để tính toán quy đổi dựa trên tỷ lệ giá các loại đất theo bảng giá đất của cơ quan địa phương ban hành và hệ số trượt giá xây dựng nhà cửa vật kiến trúc. Hạn chế về mặt thị trường nêu trên có thể ảnh hưởng đến kết quả xác định giá trị hàng hóa bất động sản khi có các giao dịch các khu đất tương tự thành công trong tương lai.

3. Giá trị văn hóa, lịch sử

Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 10 năm, bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty; xây dựng trang thông tin điện tử (website) của doanh nghiệp. Thẩm định viên xác định giá trị thương hiệu trên cơ sở các chi phí do Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam thống kê và tập hợp từ 01/01/2015 đến 31/12/2024.

4. Kết quả định giá

Theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 ban hành Chuẩn mực Thẩm định giá Việt Nam về Phạm vi công việc Thẩm định giá: "2. Phải áp dụng ít nhất 02 (hai) phương pháp thẩm định giá khi thực hiện thẩm định giá một tài sản thẩm định giá trừ các trường hợp sau:

c) Không có đầy đủ thông tin để áp dụng từ 02 (hai) phương pháp thẩm định giá trở lên. Trường hợp này phải có phân tích, biện luận cho việc không có đủ thông tin để áp dụng từ 02 (hai) phương pháp thẩm định giá trở lên."

Do không có đầy đủ thông tin như đã nêu trong Báo cáo Thẩm định giá tại mục F.3: Những hạn chế trong các phương pháp thẩm định giá và mục H.II: Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do vốn chủ sở hữu để thực hiện thẩm định giá theo Phương pháp chiết khấu dòng tiền và Phương pháp tỷ số bình quân, do đó Thẩm định viên chỉ sử dụng phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam.

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng

10.500.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 35% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ của PVTs)

4. Giá khởi điểm chào bán cạnh tranh

9.300 đồng/cổ phần.

5. Phương pháp/ cơ sở tính giá khởi điểm

Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán); hoặc tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức chào bán cạnh tranh).

Giá khởi điểm cổ phần chào bán cạnh tranh được xác định trên cơ sở:

- Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 014/2025/2306.002.KT7 ngày 23/06/2025 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC phát hành;
- Quyết định số 7923/QĐ-CNNL ngày 10/09/2025 của Hội đồng thành viên PVN về việc Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của PVN tại Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam.

6. Phương thức chuyển nhượng vốn

Căn cứ Quyết định số 7923/QĐ-CNNL ngày 10/09/2025 của Hội đồng thành viên PVN về việc Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của PVN tại Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam phương thức chuyển nhượng vốn là: **Chào bán cạnh tranh thông thường tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).**

7. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Trụ sở chính: Số 2 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3941 2626

Fax: 024 3934 7818

Website: www.hnx.vn

8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn

Dự kiến đến hết năm 2025 theo quy định tại Quyết định số 1243/QĐ-TTg hoặc theo quyết định, chỉ đạo khác của các cấp có thẩm quyền, đồng thời đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức chào bán cạnh tranh).

9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến

Được quy định cụ thể tại Quy chế chào bán cạnh tranh cổ phần Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ Công văn số 4553/UBCK-PTTT ngày 19/07/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty ở mức 0%.

Do đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại PVTJS là 0%. Nhà đầu tư nước ngoài không được quyền tham gia mua cổ phần chuyển nhượng của PVN tại PVTJS.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn

Không có.

12. Các loại thuế có liên quan

Căn cứ khoản 2 Điều 15 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam phải chịu thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nghĩa vụ thuế của Công ty:

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam có nghĩa vụ đóng thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Các loại thuế khác được Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo đúng các quy định của pháp luật liên quan.

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam tự kê khai, quyết toán và chịu trách nhiệm với cơ quan có thẩm quyền về các loại thuế theo quy định của nhà nước. Sau thời điểm công bố thông tin, số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty có thể có sự thay đổi do kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền (Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra, Thuế...).

13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn (như hồ sơ chào bán cạnh tranh, phương tiện, địa điểm công bố thông tin, chuyển nhượng vốn tại các ngân hàng thương mại cổ phần và các thông tin khác chưa có trong quy chế chào bán cạnh tranh và bản công bố thông tin này)

*** Hồ sơ chào bán cạnh tranh:**

Bộ hồ sơ chào bán cạnh tranh được công bố bao gồm:

- Quyết định số 1243/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2023 về phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) giai đoạn đến hết năm 2025;
- Quyết định số 7923/QĐ-CNNL ngày 10/9/2025 của Hội đồng thành viên PVN Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của PVN tại Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam;
- Bản Công bố thông tin theo mẫu quy định tại Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020;

- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam tại Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam số 55A/2025/CV-PVTS ngày 18/4/2025;
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023, năm 2024 và Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2025 do PVTS lập;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102278170 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 14/7/2025 của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam;
- Quy chế chào bán cạnh tranh cổ phần do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) ban hành;
- Các tài liệu khác có liên quan.

*** Phương tiện, địa điểm công bố thông tin**

Bộ hồ sơ chào bán cạnh tranh cổ phần được công khai cho nhà đầu tư trước ngày chào bán cạnh tranh tối thiểu hai mươi (20) ngày tại:

- Trụ sở chính của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam;
- Ba (03) số báo liên tiếp của một tờ báo phát hành trong toàn quốc, một tờ báo địa phương nơi Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam có trụ sở chính (Hà Nội) và Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam có trụ sở chính (Hà Nội);
- Website của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (<https://www.pvn.vn/>), Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (<https://www.hnx.vn>), Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (<https://www.vbse.vn>).

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Thực hiện Quyết định số 1243/QĐ-TTg ngày 25/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) giai đoạn đến hết 2025; trong đó, giao PVN: “Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại, tập trung giữ vững những lĩnh vực cốt lõi, lĩnh vực kinh doanh chính, thoái toàn bộ vốn tại các lĩnh vực, doanh nghiệp không thuộc lĩnh vực kinh doanh chính”.

PVTS thuộc danh mục doanh nghiệp PVN thoái toàn bộ phần vốn góp theo quy định tại điểm đ mục 7 phần II Điều 1 Quyết định số 1243/QĐ-TTg.

VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

Địa chỉ: Số 18 Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Điện thoại: 024. 38252526 Fax: 024. 38254050
Website: www.pvn.vn

2. Tổ chức có vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, 18 Láng Hạ, Phường
Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 35148699 Fax: 024. 35148599

Website: www.pvts.com.vn

3. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank Securities)

Địa chỉ: Tầng 1 đến tầng 4, tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, Phường
Xuân Đình, Thành phố Hà Nội

Website: vbse.vn

Điện thoại: 024. 39741771 Fax: 024. 39741760

CN TP.HCM: Tầng 1, Tầng 3 và Tầng 5 Tòa nhà văn phòng – Cao ốc Central
Garden – số 328 đường Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành
phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 024. 39741771 Fax: 028. 38200899

CN Đà Nẵng: Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toàn, Phường Hải Châu, Thành phố Đà
Nẵng

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 023. 6358 4788

4. Tổ chức thẩm định giá và tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 38241990

Fax: 024. 38253973

Website: www.aasc.com.vn

5. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 39412626

Fax: 024. 39347818

Website: www.hnx.vn

VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

- Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam cam kết là cổ đông có quyền sở hữu hợp pháp đối với số cổ phần chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam và các thông tin trong Bản công bố thông tin mà Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam với vai trò là một cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam có được là trung thực, chính xác.
- Bản công bố thông tin này được Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam xây dựng một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam cung cấp.
- Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam cam kết Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số quyền mua chuyển nhượng và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực, phù hợp với thực tế và cần thiết để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.
- Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được miễn trách nhiệm trong trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam cung cấp thông tin không chính xác và không trung thực.
- Nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác (nếu có) trước khi quyết định tham gia mua cổ phần. Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG, TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẤM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM



Dương Mạnh Sơn

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẤM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ CHUYỂN NHƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM



Lê Tài Đức

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



Phạm Ngọc Hiệp